

輸出貨物搬入先一覧表

2020年03月29日(日)～

NRT搬入(RFS転送)HNDフライト貨物

【羽田発アジア・オセアニア・中国便】

便到着地	搭載便名	20S出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先			
GMP	NH8053 STD 11:50 ※RFS転送	NH865	全て	第7貨物ビル	第7貨物ビル			
SGN		NH891						
PEK		NH963						
PVG		NH971						
GMP	NH8055 STD 16:00 ※RFS転送	NH867						
PVG	NH8027 STD18:00 ※RFS転送	NH967						
SYD		NH879						
CGK		NH871						
KUL		NH885						
BKK	NH8047 STD 20:00 ※RFS転送	NH849						
BKK		NH877						
SIN		NH843						
OKA (OKA経由 HKG,PVG,BKK,SIN)		NH8557						
GMP	NH8067 STD 01:00 ※RFS転送	NH861				【LOOSE】 LDR/貨物 ⇒ 南部貨物地区第2棟	【INTACT】 LDR/貨物 ⇒ 第7貨物ビル	第7貨物ビル
HKG		NH859						
SYD		NH889						
PEK		NH961						
CAN		NH923						
MNL		NH869						
DEL		NH837						
TAO		NH949						
SHA		NH969						
TSA		NH851						
CGK		NH855						
BKK		NH847						
SIN		NH841						
SZX		NH965						
TSA		NH853						

【羽田発米国便】

JFK	NH8063 STD 02:00 ※RFS転送	NH110	全て	第7貨物ビル	第7貨物ビル
IAH		NH114			
ORD		NH112			
IAD		NH102			
SJC	NH8053 STD 11:50 ※RFS転送	NH120			
SEA	NH8055 STD 16:00 ※RFS転送	NH118			
YVR		NH116			
HNL		NH186			
LAX		NH126			
LAX	NH8027 STD 18:00 ※RFS転送	NH106			
SFO		NH108			

【羽田発欧州便】

IST	NH8059 STD 01:00 ※RFS転送	NH219	全て	IACT/第4貨物ビル 108上屋	IACT/第4貨物ビル 108上屋
DME		NH213			
ARN		NH221			
FRA		NH223			
LHR		NH211			
CDG		NH215			
MUC		NH217			
FRA	NH8061 STD 20:00 ※RFS転送	NH203			
MXP		NH207			
VIE		NH205			

NRT搬入NRTフライト貨物

【米国便】

便到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
JFK	NH010	16:40	全て	第7貨物ビル	第7貨物ビル
MEX	NH180	16:40			
LAX	NH006	17:00			
SFO	NH008	17:05			
ORD	NH012	17:10			
HNL	NH184	20:10			
	NH182	21:30			

NRT搬入NRTフライト貨物

【欧州便】

便到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
DUS	NH209	10:50	全て	第4貨物ビル108号室 (IACT B棟)	第4貨物ビル108号室 (IACT B棟)
BRU	NH231	10:50			

【中国便/アジア便】

便到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
ICN	NH8475	20:05 23:20(土曜日のみ)	【LOOSE】 LDR/貨物 ⇒ 第1貨物ビル102号室 【INTACT】 LDR/貨物 ⇒ 第7貨物ビル	第7貨物ビル	
BKK	NH807	17:00			
	NH805	18:25			
	NH8507	20:25			
BKK(OKA経由)	NH8563	21:00			
HKG	NH811	18:15			
	NH8523	12:15			
HKG(OKA経由)	NH8563	21:00			
XMN	NH935	10:05			
	NH8515	11:00			
TAO	NH927	18:30			
	NH8427	22:30			
CAN	NH933	17:45			
	NH8489	21:25			
HGH	NH929	10:05			
DLC	NH903	10:05			
SHE	NH925	18:50			
PEK	NH955	18:20			
WUH	NH937	18:30			
HAN	NH897	9:15			
VVO	NH883	10:10/12:10			
KUL	NH815	17:25			
BOM	NH829	11:10			
PNH	NH817	10:40			
RGN	NH813	12:00			
CGK	NH835	17:55			
MNL	NH819	17:15			

【中国便/アジア・オセアニア便】

便到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
PVG	NH919	9:30	全て	第7貨物ビル	第7貨物ビル
	NH959	14:00			
	NH921	18:35			
	NH8403	23:15			
	NH8517	21:35			
	NH8415	22:30			
PVG(OKA経由)	NH8563	21:00			
SIN	NH803(4/24~予定)	17:00			
	NH801	18:05			
SIN(OKA経由)	NH8563	21:00			
TPE	NH823	17:30			
	NH8441	19:45			
	NH8445	21:30			
PER	NH881	11:10			
MAA	NH825	11:30			

【中国便/アジア便】

便到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
SGN	NH833	18:55	第2貨物ビル105号室 (IAC F棟)	第7貨物ビル	
CTU	NH947	17:25			

※4/14搭載分までIAC F棟での取扱い、4/15搭載分よりSGN向け(NH833便)は第1貨物ビル102号室、CTU向け(NH947便)は第7貨物ビルでの取扱いに変更予定

NRT搬入NRTフライト貨物

【カスタマー航空会社】

便到着地	搭載便名	出発時刻	貨物形態	LDR/貨物搬入先	AWB搬入先
YYC<AC>	AC010	16:25	全て	南部貨物地区第2棟	
YVR<AC>	AC004	16:50			
YUL<AC>	AC006	17:30			
KHH 	BR107	12:45			
	BR183	13:25			
	BR197	14:15			
TPE 	BR195	20:40			
TAS<HY>	HY528	11:05			
ULN<OM>	OM502	14:40			

※AC6920/AC6922 HND向けRF-SIについても南部地区第2棟で取扱い